

Số: /QĐ-CĐSL

Sơn La, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cử lưu học sinh Lào K16, K17 đi học tập thực tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-CĐSL ngày 30/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Kế hoạch số 339/KH-CĐSL ngày 10/10/2025 của Trường Cao đẳng Sơn La về việc Bồi dưỡng tiếng Việt cho Cán bộ 09 tỉnh nước CHDCND Lào K16 (theo Đề án 13-ĐA/TU ngày 31/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy) năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 355/KH-CĐSL ngày 28/10/2025 của Trường Cao đẳng Sơn La về việc Đào tạo tiếng Việt cho Cán bộ các tỉnh nước CHDCND Lào K17 năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 189/KH-CĐSL ngày 17/6/2026 của Trường Cao đẳng Sơn La về việc tổ chức đi học tập thực tế trong tỉnh đối với Lưu học viên Lào K16, K17 năm học 2025 – 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Công tác HSSV và Trưởng Khoa Bồi dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử 161 lưu học sinh Lào (bao gồm: 40 lưu học sinh lớp Tiếng Việt K16 và 121 lưu học sinh lớp Tiếng Việt K17) đi học tập thực tế tại một số địa điểm trong tỉnh Sơn La (Có danh sách chi tiết kèm theo).

- Thời gian: Từ ngày 06/7/2026 đến ngày 08/7/2026.

- Địa điểm:

+ Khu di tích lịch sử cách mạng Việt Nam - Lào bản Lao Khô, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La; Di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

+ Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

+ Nhà máy Thủy điện Sơn La, Nghĩa trang Gốc Ôi, Bảo tàng tỉnh Sơn La,

Nhà tù Sơn La, Quảng trường Tây Bắc.

Điều 2. Trong thời gian đi học tập thực tế, các lưu học sinh Lào có tên tại Điều 1 được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch- Tài chính, Trưởng Khoa Bồi dưỡng, Trưởng các đơn vị trực thuộc trường có liên quan và các lưu học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Sơn La (báo cáo);
- Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- Công an tỉnh Sơn La (báo cáo);
- Lãnh đạo nhà trường (chỉ đạo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC-HSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Thắng

DANH SÁCH**Lưu học sinh Lào đi học tập thực tế năm học 2025-2026***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CDL, ngày / 7 /2026 của Trường Cao đẳng Sơn La)*

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh	Số Hộ chiếu	Lớp	Ghi chú
1	XAISAMITH KHAMSONE	17/12/1990	Nam	Luông Pha Bang	P1840002	Tiếng Việt K16	Cán bộ
2	MITTAPHONH SOMSANITH	13/10/1984	Nam	Luông Pha Bang	P3102705	Tiếng Việt K16	Cán bộ
3	INTHALY NOUANTHONG	17/06/1984	Nam	Luông Pha Bang	P3173634	Tiếng Việt K16	Cán bộ
4	SENGMANY KHANTHALA	07/12/1985	Nữ	Luông Pha Bang	P3396227	Tiếng Việt K16	Cán bộ
5	KHOMTHAVONG LATDAVONE	05/09/1991	Nữ	Luông Pha Bang	P3334878	Tiếng Việt K16	Cán bộ
6	LIYAKET KHINSAVANH	20/06/1985	Nam	Luông Pha Bang	P2730003	Tiếng Việt K16	Cán bộ
7	PHAIBOUN SIPHAN	07/02/1985	Nam	Luông Pha Bang	P3304409	Tiếng Việt K16	Cán bộ
8	THAMMAVONG ANOUN	02/04/1983	Nam	Phông Sa Lý	P3333212	Tiếng Việt K16	Cán bộ
9	SENGSYSANGA CHANTHA	07/05/1990	Nữ	Phông Sa Lý	P2229534	Tiếng Việt K16	Cán bộ
10	THONGPHASOUK TOUY	13/05/1984	Nam	Phông Sa Lý	P3333206	Tiếng Việt K16	Cán bộ
11	SYSOUPHANH PHONEPHET	11/02/1991	Nam	Phông Sa Lý	P3333208	Tiếng Việt K16	Cán bộ
12	CHOMSALY THONGXAY	07/08/1980	Nam	Phông Sa Lý	P3333205	Tiếng Việt K16	Cán bộ
13	LAOYANG BOUNPHENG	06/03/1990	Nam	Phông Sa Lý	P3333211	Tiếng Việt K16	Cán bộ
14	XAYLAOLY LAO ER	06/11/1988	Nam	Phông Sa Lý	P3333209	Tiếng Việt K16	Cán bộ
15	KHAMMANY KEUANG	20/10/1985	Nam	Phông Sa Lý	P3333210	Tiếng Việt K16	Cán bộ
16	SENGPHETSY VIENGKHAM	24/04/1986	Nữ	Phông Sa Lý	P3333207	Tiếng Việt K16	Cán bộ
17	SENLASY BOUNSY	06/12/1996	Nam	Phông Sa Lý	P3333203	Tiếng Việt K16	Bộ đội
18	PHANTHAVONG KHAMBOUM	16/11/1987	Nam	Xiêng Khoảng	P3373555	Tiếng Việt K16	Cán bộ
19	DOUANGKHAMPHAI PHOUKHAM	09/08/1983	Nam	Xiêng Khoảng	P3339491	Tiếng Việt K16	Cán bộ

20	PHOUPHONETHONG SYTHONG	27/09/1989	Nam	Xiêng Khoảng	P3370931	Tiếng Việt K16	Cán bộ
21	DOUANGDALA VANTHALY	03/12/1980	Nữ	Xiêng Khoảng	P2061541	Tiếng Việt K16	Cán bộ
22	THAMVONGSA CHANSAKHONE	01/04/1982	Nam	Xiêng Khoảng	P3370573	Tiếng Việt K16	Bộ đội
23	YONGHOUA CHERTHOR	08/02/1990	Nam	Xiêng Khoảng	P3344468	Tiếng Việt K16	Cán bộ
24	FAIDA KHAMXAIYA	11/10/1986	Nam	Xiêng Khoảng	P3355370	Tiếng Việt K16	Cán bộ
25	VONGMACHANH SOUKSAVANH	08/01/1988	Nam	Xiêng Khoảng	PA0213986	Tiếng Việt K16	Cán bộ
26	MANOLAI PICK	14/07/1991	Nam	Xiêng Khoảng	P3334351	Tiếng Việt K16	Cán bộ
27	LENGXIONGPAO CHUEXIONG	10/10/1990	Nam	Xay Sôm Bun	S0100306	Tiếng Việt K16	Cán bộ
28	SAMOUNTY PEPSI	05/10/1991	Nam	Xay Sôm Bun	P3369998	Tiếng Việt K16	Bộ đội
29	LORVANXAY BOUNYOK	06/06/1988	Nam	Xay Sôm Bun	P3349910	Tiếng Việt K16	Cán bộ
30	DUANGNAPHA SOMPHAN	29/12/1991	Nam	Xay Sôm Bun	P3334746	Tiếng Việt K16	Cán bộ
31	LYNOLEU THONGLY	28/01/1982	Nam	Xay Sôm Bun	P3406354	Tiếng Việt K16	Cán bộ
32	SENGVONGKHAM VILAVONG	18/10/1983	Nam	Hủa Phăn	PA0342697	Tiếng Việt K16	Cán bộ
33	KHAMVONGXAI AOK	08/09/1990	Nam	Hủa Phăn	P2241025	Tiếng Việt K16	Cán bộ
34	PHOUYPHAKONE XAYSOUHPARP	01/01/1984	Nam	Hủa Phăn	P3404040	Tiếng Việt K16	Công an
35	VONGKHAMTHE OTH	07/08/1980	Nam	Hủa Phăn	P3366469	Tiếng Việt K16	Cán bộ
36	VONGSAVANH SOUPHANI	25/09/1982	Nữ	Hủa Phăn	PA0336701	Tiếng Việt K16	Cán bộ
37	PHONEKHAMMA SONENISUCK	08/07/1983	Nam	Hủa Phăn	P3414162	Tiếng Việt K16	Cán bộ
38	XAICHERXONG YENGCHANG	10/03/1990	Nam	Hủa Phăn	PA0511626	Tiếng Việt K16	Cán bộ
39	PHIMMASONE LINDA	08/09/1985	Nữ	Hủa Phăn	PA0511624	Tiếng Việt K16	Cán bộ
40	PHONEBUAPHENG PHOUSIN	17/03/1990	Nam	Hủa Phăn	PA0511437	Tiếng Việt K16	Công an
41	PHETDALA BOUNCHANH	05/10/1980	Nữ	Luông Pha Bang	P3126644	Tiếng Việt K17	Cán bộ
42	SOUDACHITH AMPHAYVANH	07/09/1981	Nữ	Luông Pha Bang	P2198473	Tiếng Việt K17	Cán bộ
43	SOOKASERM PHONESAVATH	18/04/1990	Nam	Luông Pha Bang	P3396741	Tiếng Việt K17	Cán bộ

44	THAMMAVONG ON	05/04/1996	Nam	Luông Pha Bang	P3395847	Tiếng Việt K17	Bộ đội
45	TONGTUAHER SOMCHAI	03/06/1982	Nam	Luông Pha Bang	PA0503084	Tiếng Việt K17	Cán bộ
46	VANNASACK PHOTHISAY	08/09/1989	Nam	Luông Pha Bang	PA0480718	Tiếng Việt K17	Cán bộ
47	CHANMANITH SONELAVANH	29/12/1999	Nữ	Luông Pha Bang	S0121837	Tiếng Việt K17	Giảng viên
48	SYBOUNHEUANG SOMPHONG	26/12/1982	Nam	Luông Pha Bang	P2613306	Tiếng Việt K17	Giảng viên
49	YANG CHAI	10/03/1980	Nam	Xay Nhạ Bu Ly	P3419839	Tiếng Việt K17	Cán bộ
50	PHOUTHASONE THONGSOUK	13/07/1991	Nam	Xay Nhạ Bu Ly	P3377900	Tiếng Việt K17	Cán bộ
51	PHANTHAVONG POU	03/06/1986	Nam	Xay Nhạ Bu Ly	P3377882	Tiếng Việt K17	Cán bộ
52	PHIALAVANH SENGPETH	12/03/1984	Nam	Xay Nhạ Bu Ly	P3382629	Tiếng Việt K17	Bộ đội
53	LAO AIR	06/10/1991	Nam	Xay Nhạ Bu Ly	P3379791	Tiếng Việt K17	Cán bộ
54	PHENGSAVANH DIDO	12/08/2000	Nam	Xay Nhạ Bu Ly	P3361528	Tiếng Việt K17	Cán bộ
55	SOUKSAVANH KEO	25/03/1986	Nam	Xay Nhạ Bu Ly	P3382630	Tiếng Việt K17	Cán bộ
56	PHIEWPHANH SINOUANCHANH	03/08/1983	Nữ	Xay Nhạ Bu Ly	S0160518	Tiếng Việt K17	Cán bộ
57	PHENGMOUK KHAMMONE	15/08/1994	Nam	Xay Nhạ Bu Ly	P3384204	Tiếng Việt K17	Bộ đội
58	SENG ALOUN BOUN	04/08/1991	Nam	Xay Nhạ Bu Ly	P3381928	Tiếng Việt K17	Bộ đội
59	DUANGDY LATDA	17/09/2000	Nữ	Xay Nhạ Bu Ly	P2437503	Tiếng Việt K17	Bộ đội
60	JAIALY XARD	10/06/1993	Nam	Xay Nhạ Bu Ly	P3403759	Tiếng Việt K17	Công an
61	DUANGPANYA MINAPHONE	18/03/1999	Nữ	Xay Nhạ Bu Ly	P3209493	Tiếng Việt K17	Công an
62	XAYPHOMPANH VILAYTHONG	12/11/1981	Nữ	U Đôm Xay	P3293622	Tiếng Việt K17	Cán bộ
63	PANYACHIT PHOUPHET	30/04/1983	Nam	U Đôm Xay	P1898688	Tiếng Việt K17	Cán bộ
64	YUENKHOUNTHONE ANOUSONE	08/06/1994	Nam	U Đôm Xay	P3365819	Tiếng Việt K17	Bộ đội
65	ORLAVONG SOUKAI	09/05/1993	Nam	U Đôm Xay	P3335713	Tiếng Việt K17	Bộ đội
66	SENGNAKHONE BOUNCHAN	13/10/1985	Nam	U Đôm Xay	P3332839	Tiếng Việt K17	Bộ đội
67	VONGLASY KHAMZAIY	09/10/1994	Nam	U Đôm Xay	P3324155	Tiếng Việt K17	Công an

68	DEELAVONG CHAIKEO	15/09/1992	Nữ	U Đôm Xay	P3372885	Tiếng Việt K17	Cán bộ
69	THOUMMANOOT KHAMCHANH	11/07/1984	Nam	U Đôm Xay	P3358905	Tiếng Việt K17	Cán bộ
70	CHANTHASOUK SOMPHAY	06/04/1985	Nam	U Đôm Xay	P3365455	Tiếng Việt K17	Bộ đội
71	THOR YAI	05/10/1992	Nam	U Đôm Xay	P3359685	Tiếng Việt K17	Cán bộ
72	PHOMMACHANH SOMSY	30/08/1993	Nam	U Đôm Xay	P3328301	Tiếng Việt K17	Công an
73	KEOVANKHAM OTH	14/10/1988	Nữ	U Đôm Xay	P3328701	Tiếng Việt K17	Cán bộ
74	KHENMAHAVONG NONGKHAN	07/02/1995	Nam	U Đôm Xay	P3306746	Tiếng Việt K17	Cán bộ
75	LIVAN ART LIEN	10/03/1987	Nam	U Đôm Xay	P3306750	Tiếng Việt K17	Công an
76	HATXAYFONG PALANY	06/07/1990	Nam	U Đôm Xay	P3343403	Tiếng Việt K17	Công an
77	SILACHAN THANOUTHONG	03/07/1986	Nam	Bò Kẹo	P3412164	Tiếng Việt K17	Cán bộ
78	VONGDY VIENGPHONE	01/06/1986	Nam	Bò Kẹo	P3378468	Tiếng Việt K17	Giáo viên
79	PHENGPANYA SENGKEO	09/01/1990	Nam	Bò Kẹo	P3415693	Tiếng Việt K17	Bộ đội
80	KEOSINGTHONG THONGCHAN	15/06/1992	Nam	Bò Kẹo	P3409276	Tiếng Việt K17	Bộ đội
81	SOULIVONG AOUDTHACHAK	03/08/1976	Nam	Bò Kẹo	P3410083	Tiếng Việt K17	Cán bộ
82	KEOLUEXAY ITIPHONE	15/08/1993	Nam	Bò Kẹo	PA0447618	Tiếng Việt K17	Cán bộ
83	OUDOM SANTY	08/11/1994	Nam	Bò Kẹo	P3412163	Tiếng Việt K17	Bộ đội
84	SOTITHAM HOUMPHENG	10/11/1989	Nam	Bò Kẹo	P2067306	Tiếng Việt K17	Cán bộ
85	VILADETH MOCK	04/04/1983	Nam	Bò Kẹo	P3409407	Tiếng Việt K17	Bộ đội
86	YODMEEXAI VONGKHAM	09/08/1990	Nam	Bò Kẹo	P2760895	Tiếng Việt K17	Cán bộ
87	KOUNSAVANH DUANGSALYVONG	21/06/1990	Nam	Bò Kẹo	P3413321	Tiếng Việt K17	Cán bộ
88	XAYADETH BOUNTHONG	04/05/1993	Nam	Bò Kẹo	P3409277	Tiếng Việt K17	Bộ đội
89	LAVANDY KHAMCHAN	10/09/1991	Nam	Bò Kẹo	P3416388	Tiếng Việt K17	Bộ đội
90	OUNLATHSANY PONE	02/05/1990	Nam	Bò Kẹo	P3409406	Tiếng Việt K17	Cán bộ
91	HEUANGPHENG ON BOUNTHAM	02/05/1994	Nam	Luông Nặm Thà	P3365818	Tiếng Việt K17	Bộ đội

92	THANTHAVONG SOMLOD	25/06/1993	Nam	Luông Nậm Thà	P3385979	Tiếng Việt K17	Công an
93	PHETSAVANG OUDOMPHONE	17/08/1992	Nam	Luông Nậm Thà	P3359293	Tiếng Việt K17	Công an
94	SAMONE SENGPHE	02/01/1986	Nam	Luông Nậm Thà	P3370001	Tiếng Việt K17	Công an
95	XAITHAKHOM SIPHAENG	24/06/1999	Nam	Luông Nậm Thà	P3365817	Tiếng Việt K17	Bộ đội
96	KEOMANY BOUNCHANH	06/12/1989	Nam	Luông Nậm Thà	P3363519	Tiếng Việt K17	Cán bộ
97	PHAIVONGSA SAMUK	13/12/1990	Nam	Luông Nậm Thà	P3365436	Tiếng Việt K17	Cán bộ
98	DUANGLIYAKHAM YUANG	07/08/1987	Nam	Luông Nậm Thà	P2789675	Tiếng Việt K17	Cán bộ
99	XONG SYVANHNA	25/07/1990	Nữ	Luông Nậm Thà	P3361828	Tiếng Việt K17	Cán bộ
100	INTHONGCHAN KHONESAVAN	15/07/1987	Nữ	Luông Nậm Thà	P2053984	Tiếng Việt K17	Cán bộ
101	KIDTHASAY SOMKID	05/03/1983	Nam	Luông Nậm Thà	P3397745	Tiếng Việt K17	Cán bộ
102	PHANAVANH PHILOM	06/04/1993	Nam	Luông Nậm Thà	P3380084	Tiếng Việt K17	Cán bộ
103	NABOUNPHENG HIENG	22/08/1992	Nữ	Luông Nậm Thà	P3380083	Tiếng Việt K17	Cán bộ
104	NAKHONESUK VHANKHAM	02/12/1978	Nữ	Phông Sa Lý	P3396149	Tiếng Việt K17	Cán bộ
105	PHITVONGSA XIENGNITH	02/03/1982	Nam	Phông Sa Lý	P3408120	Tiếng Việt K17	Bộ đội
106	XAYYATHAM PHONEXAY	12/08/1986	Nam	Phông Sa Lý	P3404101	Tiếng Việt K17	Công an
107	SATSADY OUNKHAM	15/03/1983	Nam	Phông Sa Lý	P3381219	Tiếng Việt K17	Cán bộ
108	SENGBUNDID KOLASIN	11/11/1988	Nam	Phông Sa Lý	P3395269	Tiếng Việt K17	Cán bộ
109	CHANTHATHILAT PATTHANA	03/03/1990	Nam	Phông Sa Lý	P3391288	Tiếng Việt K17	Cán bộ
110	SENGYOTH VONGPHACHANH	27/11/1985	Nam	Phông Sa Lý	P3242095	Tiếng Việt K17	Cán bộ
111	PHOMMALIN DOM	14/04/1986	Nam	Phông Sa Lý	P3394706	Tiếng Việt K17	Giảng viên
112	THONGSAVANH KHAMPHA	03/01/1989	Nam	Phông Sa Lý	P3392107	Tiếng Việt K17	Công an
113	SOMIXAY KHAMPHONE	10/12/1987	Nam	Phông Sa Lý	P3385612	Tiếng Việt K17	Bộ đội
114	LAOCHANHH KHAMPHAENG	03/06/1992	Nam	Phông Sa Lý	P3396055	Tiếng Việt K17	Bộ đội
115	SISAVANH BOUNLIEN	01/05/1987	Nam	Phông Sa Lý	P3385378	Tiếng Việt K17	Bộ đội

116	SENGSOULY SERM	12/01/1990	Nam	Phông Sa Lý	P3393910	Tiếng Việt K17	Bộ đội
117	SOUKKASEUM KHONEPHET	14/02/1991	Nữ	Phông Sa Lý	P3399478	Tiếng Việt K17	Cán bộ
118	PHIMATHONE ALUN	04/01/1992	Nam	Hủa Phăn	P3386863	Tiếng Việt K17	Cán bộ
119	VONGTHAVONE OUDPHASOUK	28/10/1988	Nữ	Hủa Phăn	S0121886	Tiếng Việt K17	Cán bộ
120	VILAKHAM PHUANG	29/09/1996	Nữ	Hủa Phăn	P3404305	Tiếng Việt K17	Công an
121	VORLASING VINTHONE	15/12/1989	Nam	Hủa Phăn	P3380822	Tiếng Việt K17	Cán bộ
122	PHOMMATHAM XIENGYSOMSAK	02/04/1986	Nam	Hủa Phăn	P2230988	Tiếng Việt K17	Cán bộ
123	PHENGPHOMMA SOUKINDA	24/01/1992	Nữ	Hủa Phăn	P2241005	Tiếng Việt K17	Cán bộ
124	LINTHALATH CHITTA	24/12/1985	Nam	Hủa Phăn	PA0507015	Tiếng Việt K17	Cán bộ
125	KEOTHONGPHETVANGHOMPHENG SONALY	28/02/1979	Nam	Hủa Phăn	P3400771	Tiếng Việt K17	Cán bộ
126	PHIMPHAVANH KHINTHONG	25/11/1981	Nam	Hủa Phăn	P3404989	Tiếng Việt K17	Bộ đội
127	SOUVANTHONE NEOPASEUT	09/11/1988	Nam	Hủa Phăn	P3381889	Tiếng Việt K17	Cán bộ
128	PIMMALAI XAYTHONG	18/07/1987	Nam	Hủa Phăn	P3375354	Tiếng Việt K17	Giáo viên
129	INSOUPHA AOUN	03/05/1993	Nữ	Hủa Phăn	P3369231	Tiếng Việt K17	Cán bộ
130	KHAMMAXAY THIEN	07/12/1998	Nam	Hủa Phăn	P3386295	Tiếng Việt K17	Bộ đội
131	SAENGPOMMAR MAIVANH	10/11/1990	Nữ	Hủa Phăn	P3390495	Tiếng Việt K17	Cán bộ
132	KEODUANGDI ANANH	09/12/1982	Nam	Hủa Phăn	P3375432	Tiếng Việt K17	Cán bộ
133	TOULAPEE SOMPHONE	14/12/1978	Nữ	Xiêng Khoảng	P2665628	Tiếng Việt K17	Cán bộ
134	PAYE CHORLEE	27/05/1985	Nam	Xiêng Khoảng	P3236477	Tiếng Việt K17	Cán bộ
135	LUANGXAY PHOUPHET	29/09/1989	Nam	Xiêng Khoảng	S0167636	Tiếng Việt K17	Cán bộ
136	HOUAM AKSONE XAYYA	23/06/1976	Nam	Xiêng Khoảng	P3373464	Tiếng Việt K17	Cán bộ
137	THONGVILAY DAOVONE	17/08/1978	Nam	Xiêng Khoảng	S0163041	Tiếng Việt K17	Cán bộ
138	DOUANGMANYVONG SAYKHAM	05/11/1983	Nam	Xiêng Khoảng	P3378986	Tiếng Việt K17	Cán bộ
139	KHINGPHAVISOUK MIXAY	20/09/1981	Nam	Xiêng Khoảng	P3384003	Tiếng Việt K17	Bộ đội

140	PHETPHOOUTHONE SONEXAY	23/02/1987	Nam	Xiêng Khoảng	P3378185	Tiếng Việt K17	Bộ đội
141	YONGVUE TOULAO	11/11/1993	Nam	Xiêng Khoảng	PA0066506	Tiếng Việt K17	Bộ đội
142	VANNAVONG KHAMCHANH	11/04/1994	Nam	Xiêng Khoảng	P3339695	Tiếng Việt K17	Công an
143	YANG KAO	05/04/1990	Nam	Xiêng Khoảng	P3358944	Tiếng Việt K17	Cán bộ
144	CHANTHAVONG PHONEKEO	27/03/1991	Nam	Xiêng Khoảng	P3365148	Tiếng Việt K17	Công an
145	THAMMACHACK PHETSAMONE	29/09/1989	Nam	Xiêng Khoảng	S0167614	Tiếng Việt K17	Cán bộ
146	SONEPHIMPHAR KHAMSENG	05/04/1993	Nam	Xiêng Khoảng	P3373467	Tiếng Việt K17	Cán bộ
147	HANPADIT KHAMDY	12/02/2001	Nam	Xiêng Khoảng	P3385090	Tiếng Việt K17	Bộ đội
148	THOR VIENGKOU	22/08/1984	Nam	Xay Sôm Bun	P3411773	Tiếng Việt K17	Bộ đội
149	KEOPASEUTH VONGPHANH	08/04/1986	Nam	Xay Sôm Bun	P3410603	Tiếng Việt K17	Công an
150	VIPAKONE SOMMANUEK	06/11/1982	Nữ	Xay Sôm Bun	P3408900	Tiếng Việt K17	Cán bộ
151	KEOVILAI PHAI	18/10/1997	Nam	Xay Sôm Bun	P3407782	Tiếng Việt K17	Công an
152	BOUNMAXAY BOUATHONG	20/05/1993	Nam	Xay Sôm Bun	P3401746	Tiếng Việt K17	Bộ đội
153	KEOMANY SAYKHONE	13/12/1997	Nam	Xay Sôm Bun	P3410552	Tiếng Việt K17	Bộ đội
154	NAVONGSA PHOUVIN	09/06/1998	Nam	Xay Sôm Bun	P3393550	Tiếng Việt K17	Bộ đội
155	PANPHILAVANH ANOUSONE	29/05/1988	Nam	Xay Sôm Bun	P3410602	Tiếng Việt K17	Bộ đội
156	YOUTHORVANGMAYANG XOU	07/03/1989	Nam	Xay Sôm Bun	P2906931	Tiếng Việt K17	Công an
157	PHOUANGMALA CHAMLONG	08/08/1996	Nam	Xay Sôm Bun	P3411970	Tiếng Việt K17	Cán bộ
158	KLASAYHOUA UPSAKI	06/10/1986	Nam	Xay Sôm Bun	P3421716	Tiếng Việt K17	Bộ đội
159	SOTUKI TOULOR	23/08/1994	Nam	Xay Sôm Bun	PA0146727	Tiếng Việt K17	Cán bộ
160	SENTHAVONG PHONE	03/03/1993	Nam	Xay Sôm Bun	P3418070	Tiếng Việt K17	Cán bộ
161	PHOMMAPHIM KONGNAPHA	02/05/1985	Nam	Xay Sôm Bun	S0096008	Tiếng Việt K17	Cán bộ

Danh sách gồm có 161 LHS Lào.